TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 52/2025/HNGD-ST
Ngày: 14 - 3 – 2025
"V/v: ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vụ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Lin

Bà Trần Thị Đổi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 55/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Đào Thị Xuân T, sinh năm 1979;

Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1978;
Cùng địa chỉ: ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/01/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đào Thị Xuân T trình bày:

Bà Đào Thị Xuân T và ông Nguyễn Tấn L là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 13 tháng 12 năm 2018. Cuộc sống hôn nhân có hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cải vã nhau, cuộc sống chung không phù hợp, cuộc sống vợ chồng không mang lại hạnh phúc, bà T và ông L sống ly thân từ tháng 01 năm 2025 cho đến nay.

Về hôn nhân: bà T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Tấn L.

Về con chung: bà T và ông L có 01 con chung tên Nguyễn Hồng Triệu P, sinh ngày 13/11/2020 hiện đang sống chung với bà T, khi ly hôn bà yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà T và ông L, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28/2/2025, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa bị đơn là ông Nguyễn Tấn L trình bày và yêu cầu: ông L thống nhất trình bày của bà T về ngày tháng năm kết hôn, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung và việc ông L và bà T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về hôn nhân: ông Nguyễn Tấn L đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Đào Thị Xuân T.

Về con chung: ông L đồng ý để con chung tên Nguyễn Hồng Triệu P, sinh ngày 13/11/2020 hiện đang sống chung với bà T để bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông L không cấp dưỡng nuôi con.

Tòa án đã tiến hành hòa giải cho các đương sự nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Bà Đào Thị Xuân T khởi kiện yêu cầu ly hôn Nguyễn Tấn L hiện đang cư trú tại: ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2]. Bà Đào Thị Xuân T và Nguyễn Tấn L chung sống có đăng ký kết hôn ngày 13/12/2018 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông L là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của bà Đào Thị Xuân T thấy rằng: bà T và ông L phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng không có tiếng nói chung trong hôn nhân, bà T và ông L đã sống ly thân tự mỗi người lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc nhau. Mâu thuẫn giữa bà T và ông L đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của bà T được ông L đồng ý đây là sự tự nguyện của đương sự là phù hợp quy định tại điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4]. Về con chung: xét bà T và ông L có 01 con chung tên Nguyễn Hồng Triệu P, sinh ngày 13/11/2020 hiện đang sống chung với bà T, khi ly hôn bà T yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 107 và 110 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[5]. Xét về tài sản chung và nợ chung: bà T và ông L trình bày không yêu cầu nên không đề cập giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác là phù hợp.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy: bà T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Bà T đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 51, 55, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đào Thị Xuân T với ông Nguyễn Tấn L.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: bà Đào Thị Xuân T được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Hồng Triệu P, sinh ngày 13/11/2020 hiện đang sống chung với bà T, ông L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về chia tài sản chung: bà T và ông L trình bày không yêu cầu nên không đề cập giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Về nợ chung: bà T và ông L thống nhất trình bày không có, không yêu cầu nên không đề cập giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Đào Thị Xuân T phải chịu 300.000 đồng tiền án Dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo biên lai thu số 0004497 ngày 10/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa). Bà T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa;
- CC. THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- UBND xã Hòa Khánh Nam, huyện Đức Hòa (để ghi sổ hộ tịch)
- Lưu: hồ sơ vụ án, án văn.

Nguyễn Thị Vụ